

# LAO ĐỘNG PHI CHÍNH THỨC Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TỪ GÓC NHÌN LỊCH SỬ - VĂN HÓA

*Nguyễn Thị Hậu\**  
*Lê Thị Ngọc Dung\*\**

## 1. Đặc điểm lịch sử - văn hóa của lao động phi chính thức ở thành phố Hồ Chí Minh

Thành phố Hồ Chí Minh là một trung tâm kinh tế - văn hóa, nơi được nhiều người coi là "miền đất hứa" tạo ra nhiều cơ hội kiếm sống, nhiều việc làm có thể nâng cao thu nhập, cải thiện cuộc sống của người lao động, nơi luôn thu hút người nhập cư từ địa phương khác đến, do đó thành phố luôn có một nguồn lao động dồi dào. Tuy nhiên thành phố Hồ Chí Minh cũng phải đối mặt với những khó khăn, phức tạp mà một phần không nhỏ đến từ những người lao động phi chính thức. Quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa mở rộng đô thị, ruộng đất làm nông nghiệp bị thu hẹp, áp lực việc làm ngày càng lớn đối với lao động nông thôn, người di cư ra thành phố càng đông đúc. Số người này nếu không có vốn, không được học nghề do không đủ trình độ học vấn, không kiếm được việc làm dù là giản đơn trong các khu chế xuất - khu công nghiệp (KCX-KCN) thì không còn sự chọn lựa nào khác là trở thành lao động phi chính thức ở nhiều khu vực kinh tế.

### *1.1. Hoàn cảnh lịch sử*

Các loại hình lao động phi chính thức ở thành phố Hồ Chí Minh tồn tại khách quan từ lâu, ngay từ lúc đô thị được hình thành. Nếu so sánh với vùng nông thôn thì khu vực kinh tế phi chính thức ở các đô thị ngày càng phát triển mạnh mẽ và đa dạng, do những nhu cầu nội tại của đời sống đô thị. Trong thời kỳ đô thị trung cổ các ngành kinh tế hầu không có sự phân biệt giữa "chính thức" và "phi chính thức", nhưng từ khi hình thành các đô thị thời cận đại vào cuối thế kỷ XIX ở Sài Gòn - Bến Nghé đã đồng thời hình thành và tách biệt hai khu vực kinh tế này. Sự thành

---

\* TS. Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển thành phố Hồ Chí Minh.

\*\* ThS. Phòng Quản lý khoa học - Viện Nghiên cứu phát triển thành phố Hồ Chí Minh.

lập những nhà máy, công sở, cơ sở dịch vụ công như bệnh viện, trường học... ở Sài Gòn thời Pháp thuộc tuy số lượng không nhiều nhưng cũng đủ để hình thành một tầng lớp xã hội "làm công ăn lương", làm việc theo những luật lệ "hành chính" về giờ giấc và nhiều yếu tố khác. Có thể coi đây là sự hình thành tầng lớp "thị dân" - cư dân sống ở đô thị và làm những nghề nghiệp của đô thị, có lối sống thị dân khác với những người lao động khác ở thành phố. Khu vực "kinh tế chính thức" tập trung ở trung tâm hành chính - quận 1, quận 3 hiện nay. Còn lại các khu vực khác của Sài Gòn - Chợ Lớn là nơi phát triển thương nghiệp dịch vụ, xóm lao động, vùng Gia Định chủ yếu là nông nghiệp... Khu vực kinh tế "phi chính thức" bao quanh khu vực "kinh tế chính thức" là hạt nhân của đô thị, là "vùng lõi" của quy hoạch kiến trúc thành phố. Đặc điểm này xuyên suốt sự phát triển của đô thị Sài Gòn từ cuối thế kỷ XIX đến nửa cuối thế kỷ XX.

Sài Gòn còn trải qua một thời gian dài thời kỳ chiến tranh. Khác với Hà Nội (*trong chiến tranh những người làm trong thành phần kinh tế chính thức - làm nhà nước - đều tản cư, sơ tán về nông thôn, hòa bình mới trở về thành phố, trong khi đó người làm kinh tế phi chính thức hầu như không bị bắt buộc đi khỏi thành phố*), Sài Gòn lại là nơi người dân nhiều vùng nông thôn từ miền Trung, từ đồng bằng sông Cửu Long đổ vào thành phố. Hầu như không có nghề nghiệp, không có hoặc ít vốn, họ tham gia vào lực lượng lao động phi chính thức bằng những công việc như buôn bán nhỏ lẻ, hàng rong, dịch vụ, lao động thủ công, chuyên chở bằng xe thô sơ... Địa bàn làm việc của họ, có thể nói khái quát, là "ngoài trời" gồm lòng lề đường, các công trường, chợ búa... Sau năm 1975 một bộ phận người dân trở về quê quán, một bộ phận khác đi vùng kinh tế mới, khu vực việc làm phi chính thức thu hẹp. Cấu trúc kinh tế của thành phố chỉ còn "một thành phần" nên nhiều nhiều loại hình kinh tế và việc làm ngoài quốc doanh trở thành "phi chính thức". Khi kinh tế nước ta lâm vào thời kỳ khó khăn "trước đổi mới" thì thành phố lại như một "chỗ trũng" có thể dung nạp những dòng người "chảy" vào đây kiếm sống. Khu vực kinh tế phi chính thức càng mở rộng, phong phú đa dạng về loại hình, cách thức hoạt động và ngày càng có đóng góp đáng kể phục vụ cho cuộc sống đô thị và cho sự phát triển kinh tế thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên thời kỳ này khu vực kinh tế này bị coi là "phi chính thức" ngay cả trong luật pháp (qua cụm từ thể hiện quan niệm chính thống "kinh tế một thành phần"), do đó kinh tế phi chính thức buộc phải biến dạng, nép bóng dưới hình thức khác... Lao động phi chính thức, do đó cũng bị phân biệt rất rõ ràng với lao động chính thức: không hộ khẩu, không tem phiếu cung cấp nhu yếu phẩm, và tất nhiên nhu cầu về nhà ở, giáo dục, y tế khó được đáp ứng.

Từ cuối những năm 1990 đến nay, quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ ở thành phố Hồ Chí Minh đã thu hút hàng ngàn người từ các tỉnh thành khác đến lập nghiệp và mưu sinh, tham gia vào kinh tế chính thức; bên cạnh

đó không ít người đã tham gia vào các hoạt động kinh tế phi chính thức, trong đó đáng chú ý nhất là hình thức "kinh tế vỉa hè" và lao động trong các khu công nghiệp, khu chế xuất. Nhiều công trình khảo sát, nghiên cứu khu vực kinh tế phi chính thức cho biết, tỷ lệ đóng góp đáng kể vào thu nhập quốc gia của người lao động trong các khu vực kinh tế phi chính thức: sự chuyển đổi của nền kinh tế đã thực hiện được chức năng thiết yếu là tạo ra việc làm và tăng phúc lợi cho cả nhà sản xuất lẫn người tiêu dùng. Khu vực này sử dụng nguồn lực vốn cố định một cách hiệu quả thông qua việc kết hợp nguồn vốn thấp với số lượng lao động đông. Đồng thời, tiết kiệm nhu cầu vốn lưu động bằng cách chia khâu sản xuất và tiêu thụ hàng hóa thành những quy mô nhỏ, dễ quản lý. Mặt khác, đối với những người nghèo, dân nhập cư, không bằng cấp, không hộ khẩu, tay nghề thấp... thì việc được nhận vào làm trong các doanh nghiệp phi chính thức là bước khởi đầu khả thi nhất để họ có thể tạo thu nhập, học tập, nâng cao tay nghề. Tuy nhiên về lý thuyết mục đích là vậy, nhưng trên thực tế không nhiều doanh nghiệp chú ý đến việc đào tạo tay nghề một cách có hệ thống cho người lao động, bởi họ đặt nặng yếu tố lợi nhuận trước mắt chứ không vì lợi ích lâu dài của doanh nghiệp mình, của người lao động và xã hội. Điều này làm cho việc thực hiện mục đích "phát triển bền vững" của kinh tế - xã hội càng khó khăn.

Hiện nay vẫn còn những quan niệm chưa đúng về lao động ở khu vực kinh tế phi chính thức, dù thu nhập cao hay thấp. Sự đánh giá của nhiều "người thành phố" đối với dân nhập cư, người bán hàng rong, trẻ đường phố vẫn có phần xem thường, thương hại, thậm chí họ còn bị coi là nguyên nhân chính làm cho thành phố chưa có nếp sống "văn minh đô thị". Đối tượng này còn chưa được xã hội quan tâm đúng mức cả về pháp lý lẫn tâm lý. Mặt khác, tâm lý xã hội nói chung chưa có sự nhìn nhận công bằng với thành phần kinh tế phi chính thức nhưng thu nhập giàu có vì định kiến cho rằng đó là "thu nhập không chính đáng" (*Nể sợ nhưng ghen ghét người giàu có hơn mình là nét tâm lý bảo thủ của khá nhiều người Việt*).

## **1.2. Đặc điểm xã hội**

Lao động phi chính thức ở thành phố Hồ Chí Minh về cơ bản có thể chia làm 2 loại hình:

1) Lao động làm việc trong các công ty, doanh nghiệp, những cơ sở sản xuất của tư nhân... nói chung có thu nhập từ mức tương đối ổn định đến khá giả, giàu có. Như đã nói ở trên, loại hình kinh tế phi chính thức này có "truyền thống" lâu đời, tồn tại và phát triển liên tục và phổ biến ở Sài Gòn từ thời Pháp thuộc đến năm 1975. Sau năm 1975 có giai đoạn gần như không tồn tại nhưng đến nay đây là những thành phần kinh tế năng động và hoạt động tương đối có hiệu quả.

2) Lao động tự do "kinh tế vỉa hè, kinh tế lòng lề đường", hoặc công nhân trong các khu công nghiệp (KCN), khu chế xuất (KCX)... có thu nhập bấp bênh hoặc thu nhập thấp và không ổn định. Trong số này còn có một số ít là những người về hưu, nhân viên cơ quan nhà nước, sinh viên... cũng tham gia vào lực lượng lao động không chính thức nhưng mang tính thời vụ hay "ngoài giờ hành chính". Đây chính là đối tượng của nhiều nghiên cứu về kinh tế - xã hội đô thị, trong đó có bài viết này.

Có thể nhận biết một số đặc điểm xã hội của loại hình lao động này:

- Nguồn gốc phần lớn là từ nông thôn mới lên, hoặc sống ở thành phố chưa lâu. Trước đây thường được gọi chung là "dân nhập cư". Lâu dần sẽ trở thành / tham gia vào tầng lớp "dân nghèo thành thị" mà hiện nay dùng khái niệm mới là "nghèo đô thị". Một số lượng đáng kể sống "độc thân" do chưa lập gia đình hoặc không có gia đình (chồng/ vợ/ con... ) ở cùng. Điều kiện sống rất khó khăn, thiếu thốn về vật chất và hầu như không có điều kiện tham gia những sinh hoạt văn hóa tinh thần. Tại các KCN, KCX đã có tình trạng thanh niên nam nữ "sống thử", thậm chí còn xuất hiện những hiện tượng không lành mạnh khác. Địa bàn cư trú của những lao động này thường ở các huyện ngoại thành, quận vùng ven hay trong những khu hẻm sâu "nhà lá" ở các quận nội thành.

- Không có nghề nghiệp "được đào tạo" và không có điều kiện tiếp cận cơ hội đào tạo nghề nghiệp, ngay cả trong các KCN, KCX cũng vậy. Trình độ học vấn không cao, thậm chí vẫn có hiện tượng mù chữ và tình trạng tái mù phổ biến. Vì vậy sự hiểu biết về pháp luật và những vấn đề xã hội còn nhiều hạn chế. Phần lớn lao động trong khu vực kinh tế phi chính thức đều phải chấp nhận điều kiện làm việc kém, thu nhập thấp, không được hưởng quyền, nghĩa vụ lao động, quỹ phúc lợi xã hội, dịch vụ công ích... cũng như không có cơ hội thăng tiến, tiếp cận với các nguồn lực tín dụng, khoa học kỹ thuật.

- Số lượng phụ nữ tham gia vào khu vực kinh tế này khá lớn, từ "buôn gánh bán bưng" đến công nhân tại KCN, KCX, từ giúp việc nhà đến làm việc trong quán xá, từ thợ hồ đến thậm chí làm xe ôm... Lao động nữ mang một trách nhiệm như "thiên chức", đó là luôn hy sinh, chịu thiệt thòi vì gia đình. Tình trạng bóc lột, sức lao động đối với phụ nữ, trẻ em khá phổ biến, thậm chí còn có hiện tượng lạm dụng tình dục. Các hoạt động tương trợ về xã hội, pháp lý cũng chưa tiếp cận sát với những đối tượng này.

- Nền kinh tế chủ yếu của Việt Nam nói chung và đồng bằng sông Cửu Long nói riêng là nông nghiệp. Với đặc trưng cơ bản của cơ cấu thời gian mang tính thời vụ, vì vậy thời gian "nông nhàn" cũng là thời gian người nông dân tận dụng để kiếm thêm thu nhập từ hoạt động kinh tế phi nông nghiệp, lên thành phố kiếm việc làm thêm

là khá phổ biến. Cùng với việc ruộng đất bị thu hồi cho các KCN, KCX hay những công trình khác, hiện nay có thể nói, người nông dân là lực lượng "tiềm năng" của lao động phi chính thức tại các đô thị trong đó có thành phố Hồ Chí Minh.

Như vậy, có nhiều xuất phát điểm khác nhau để những người này tham gia vào lao động phi chính thức, nhưng những hạn chế về năng lực, kiến thức và vật chất là nguyên nhân chính. Phần lớn điểm xuất phát của người lao động là sự nghèo đói, thất học, họ lại tiếp tục gia nhập vào một thị trường lao động mà cơ hội để học hỏi, hòa nhập với sự phát triển xã hội rất khó khăn. Song song với nó là một mức thu nhập thấp, rủi ro tai nạn lao động và khả năng không được đền bù rất cao... Vì nghèo nên nhiều người phải trở thành/ tham gia lao động phi chính thức và sau một thời gian làm việc ở đó, chưa chắc họ đã thoát khỏi kiếp nghèo! Cứ thế, như một vòng luẩn quẩn, người lao động phi chính thức đối mặt với hết rủi ro này đến thiệt thòi khác. Vậy phải giải quyết từ đâu trong cái vòng luẩn quẩn này?

Cũng như cả nước, thành phố Hồ Chí Minh đã có khá nhiều hoạt động, tổ chức tương trợ đối với người lao động tự do, trẻ em đường phố, dân nhập cư. Thế nhưng, quy mô và hoạt động của những tổ chức này vẫn chưa thật sự tạo được sự tiếp cận sâu sát, kịp thời đến đối tượng này và quan trọng hơn là chưa lôi kéo họ cùng tham gia các hoạt động tương trợ. Phần lớn người lao động phi chính thức chưa biết cách khai thác sự hỗ trợ của các tổ chức xã hội mà vẫn thụ động, tự bảo vệ mình một cách kém hiệu quả. Với những đóng góp của lao động phi chính thức đối với xã hội và nền kinh tế hiện nay, việc thừa nhận vị trí, vai trò xã hội và tạo điều kiện cho họ thụ hưởng các dịch vụ công ích là điều rất cấp thiết.

## **2. Sự chuyển đổi các hình thức lao động chính thức và phi chính thức**

Việt Nam mới trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) từ cuối năm 2007, thành phố Hồ Chí Minh đang cùng cả nước tích cực hội nhập với kinh tế thế giới. Trong điều kiện mới người lao động đứng trước nhiều cơ hội cũng như nhiều thách thức. Hiện nay người lao động chịu ảnh hưởng và tác động quan trọng nhất là sự chuyển dịch lực lượng lao động giữa hai khu vực kinh tế/ việc làm chính thức và phi chính thức từ những nguyên nhân sau.

- Là một nền kinh tế chuyển đổi, lao động trong khu vực kinh tế nhà nước trong thời gian dài là lực lượng chủ đạo của nền kinh tế. Cũng vì vậy, một bộ phận của khu vực kinh tế này đã quá quen với những cách nghĩ, cách làm kiểu bao cấp, họ quen và luôn mong muốn được hưởng "bầu sữa mẹ" Nhà nước. Đến nay, dưới tác động của hội nhập, "cuộc chơi" mới với những luật và lệ mới của quốc tế đối với một bộ phận doanh nghiệp thuộc khu vực này quá mới mẻ và dường như không thể thích nghi nổi. Làm gì và làm như thế nào luôn là những câu hỏi buộc họ phải tìm ra

câu trả lời để có thể thích ứng được với tình hình mới. Và nếu không thích ứng được hay thích ứng kém thì hậu quả là người lao động bị thất nghiệp hoặc phải rời bỏ môi trường làm việc này để gia nhập vào khu vực việc làm phi chính thức.

- Người lao động trong khu vực kinh tế ngoài nhà nước, nhất là kinh tế tư nhân quy mô nhỏ và vừa, đã có thời gian từng bị coi là "lao động hạng hai". Vì vậy, trong hoạt động nghề nghiệp, trong ứng xử nhiều khi chưa thoát ra được tư duy "ăn xổi ở thì", làm ăn theo kiểu cò con hoặc tư tưởng "đánh quá" chỉ cần có lợi nhỏ trước mắt mà bất chấp hại lớn sau này. Những kiểu làm ăn như thế không thể đứng vững được trước làn sóng đầu tư mới, trước sự "tấn công" của các doanh nghiệp nước ngoài với những cách kinh doanh bài bản. Theo dự đoán của các chuyên gia kinh tế từ lâu và hiện nay trên thực tế, không ít doanh nghiệp làm ăn theo kiểu này bị phá sản, "biến mất" trong danh sách các doanh nghiệp.

- Làn sóng đầu tư nước ngoài vào Việt Nam sẽ kích thích các hoạt động kinh doanh trong nước. Nhiều doanh nghiệp, nhiều khu công nghiệp mới mọc lên, đất đai trong đó phần nhiều là đất nông nghiệp bị chuyển đổi mục đích sử dụng. Kéo theo đó là một bộ phận dân cư nông thôn bị mất đất không còn gì để sinh sống trong đó chỉ có một bộ phận nhỏ sẽ vào làm việc trong các KCN, KCX. Tuy nhiên, cuộc di chuyển này không phải ai cũng thành công, nhiều người sẽ lâm vào cảnh tay trắng khi tay nghề, chuyên môn kỹ thuật không có, chỉ làm những công việc giản đơn trong doanh nghiệp. Những người này luôn là những người có nguy cơ cao nhất bị sa thải, bị đưa ra khỏi dây chuyền sản xuất. Khi đó họ quay về quê hương cũng không được bởi không còn ruộng vườn, ở lại thành phố, đô thị cũng không xong vì không có công ăn việc làm, không có chỗ ở...

- Mặc dù đã được xác định là "nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" và mục tiêu là sẽ trở thành một nước công nghiệp, nhưng hiện tại và trong tương lai gần, về cơ bản nước ta vẫn là một nước nông nghiệp với đa số người lao động là nông dân và sinh sống ở nông thôn. Trước sức ép từ sự thay đổi của nền kinh tế, người lao động nông thôn buộc phải thay đổi cách nghĩ, thay đổi cách làm. Nền kinh tế nông nghiệp thị trường là xu hướng tất yếu khách quan và do đó mọi sản phẩm từ nông nghiệp cũng bị ảnh hưởng của thị trường (cả trong và ngoài nước). Cũng vì thế, bên cạnh những ảnh hưởng tích cực, những tác động tiêu cực sẽ gây cho người lao động nông thôn gặp rất nhiều khó khăn. Những ví dụ điển hình vì sự không hiểu biết luật chơi quốc tế, không nắm được thông tin thị trường thế giới đã dẫn đến việc có năm chúng ta không tiêu thụ được hạt cà phê, hạt điều hoặc không xuất khẩu được thủy sản, nông sản... Nói cách khác, người lao động nông thôn hiện nay và trong tương lai luôn phải đối mặt với những rủi ro từ thậm chí ở tận bên kia bán cầu mang đến chứ không chỉ trong lũy tre làng, trong "ao nhà" như

trước nữa. Những rủi ro này làm cho lao động nông thôn và gia đình họ bị ảnh hưởng rất nhiều, và cũng có những người bị nghèo đói hoặc tái nghèo đói. Tuy nhiên cần phải thấy vai trò "bảo hộ" của nhà nước đối với nông nghiệp còn rất yếu kém: chưa có sự đầu tư máy móc chủ yếu, hầu như chưa đầu tư phát triển công nghệ sinh học và sau thu hoạch, và nhất là yếu kém trong sự điều hành giá cả, thu mua sản phẩm nông nghiệp.

Khi đó, người lao động ở các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh, người nông dân sẽ rơi vào tình trạng khốn đốn và không ít người sẽ rơi vào tình trạng nghèo đói. Tất nhiên, hệ thống an sinh xã hội vẫn có những hỗ trợ nhất định cho người lao động trong những lúc như vậy nhằm thực hiện thay thế hoặc bù đắp thu nhập cho người lao động khi họ gặp các "rủi ro xã hội". Tuy nhiên, một bộ phận trong số những người lao động này sẽ tham gia vào khu vực việc làm phi chính thức với loại hình "kinh tế vỉa hè, lòng lề đường" tại các đô thị. Xu hướng chuyển đổi ngược lại từ khu vực việc làm phi chính thức sang khu vực chính thức vẫn diễn ra nhưng khá chậm và không ổn định, vì như đã nói trên, những yếu tố để "phát triển bền vững" trong đó có việc đào tạo phát triển nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn chưa được quan tâm thực sự. Nếu có sự đầu tư mạnh hơn để "công nghiệp hóa" nền nông nghiệp thì chắc chắn sẽ hạn chế được phần lớn hiện tượng người nông dân "thả hương" để trở thành "đội quân kinh tế vỉa hè" nơi đô thị.

### 3. Lao động phi chính thức và môi trường văn hóa đô thị

Thành phố Hồ Chí Minh phát triển từ đô thị Sài Gòn - Bến Nghé lớn dần lên, nối kết với các trung tâm khác là Chợ Lớn và Gia Định. Tốc độ đô thị hóa của Sài Gòn - thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn lịch sử nào cũng rất nhanh, tuy nhiên phải nhìn nhận rằng hiện nay quy hoạch của nhà nước không theo kịp tốc độ phát triển của thành phố, việc xây dựng tự phát do người dân chưa có ý thức cao trong việc tuân thủ quy hoạch của nhà nước, sự tùy tiện phát triển các khu dân cư xen lẫn thương mại, khu sản xuất... là rất rõ. Có thể dùng cụm từ "làng trong phố" để hình dung về tính chất văn hóa nhiều khu đô thị mới. Đây chính là địa bàn thuận tiện cho lao động phi chính thức phát triển: từ việc buôn bán trong những chợ "chôm hẻm" "chợ đuôi"... đến một "nền kinh tế vỉa hè": buôn bán cố định/ di động, sản xuất, dịch vụ... Do cơ chế quản lý chưa phù hợp, "kinh tế vỉa hè" cũng "góp phần" làm cho thành phố còn nhiều nơi nhếch nhác, không mang dáng dấp của một đô thị văn minh hiện đại.

Việc sử dụng vỉa hè, lòng lề đường để kinh doanh, buôn bán, thậm chí sản xuất, làm các dịch vụ như giữ xe... còn xuất phát từ chính nhận thức của người dân. Nhiều người dân thành phố có quan niệm vỉa hè, lòng lề đường thuộc sở hữu của chủ nhà có mặt tiền đường. Theo kết quả khảo sát 400 người dân về *quyền sử dụng*

via hè ở thành phố Hồ Chí Minh, có tới 52,8% số người được hỏi cho rằng via hè thuộc quyền của chủ nhà có mặt tiền đường<sup>1</sup>. Và để có một chỗ buôn bán nhỏ lẻ ở via hè trước mặt nhà không phải của mình đều phải được sự cho phép của chủ nhà và phải đóng một khoản tiền "thuê chỗ" hàng tháng. Những năm gần đây, thành phố có chủ trương phát triển nhiều trung tâm để phân tán mức độ tập trung; ở nhiều quận do chưa hình thành các khu mua bán lớn nên lại bị phân tán theo các trục đường và lề đường. Quy hoạch khu hành chính, trường học, chợ, cửa hàng... không theo khu vực "ô phố" đặc trưng của đô thị mà vẫn phân tán theo mặt tiền một số con đường chính nên làm việc gì người dân cũng phải "xuống đường". Và thực tế, loại hình kinh tế phi chính thức phổ biến nhất ở thành phố Hồ Chí Minh là buôn bán trên via hè từ nhiều năm qua đã nhanh chóng đáp ứng nhu cầu mua - bán nhanh, tiện lợi với các loại hàng hóa giá rẻ. Và đây cũng là điều kiện thuận lợi để các hoạt động kinh tế via hè có điều kiện nảy sinh và tồn tại. Cùng với đó "Văn hóa mặt tiền" trở thành "đặc trưng" mới của đô thị Việt Nam, từ thành phố lớn đến thị trấn hẻo lánh (*Có lẽ không có nước nào mà dân cư lại có thói quen, nhu cầu và "đua nhau" ra sống cạnh mặt đường lớn, nhỏ như ở nước ta! Trong khi đó ở các nước thì mặt tiền via hè là không gian công cộng, cần tuân thủ những quy định chung của thành phố, không được tùy tiện sử dụng theo ý muốn cá nhân*). Thói quen này dẫn đến nhiều hệ lụy: Thứ nhất, quy hoạch và quản lý kiến trúc mặt tiền các con đường trở nên khó khăn, thậm chí làm cho hình thức kiến trúc xấu, không đồng bộ dù tốn kém rất nhiều kinh phí để xây dựng hay cải tạo đường xá (*đường Nam Kỳ khởi nghĩa từ sân bay Tân Sơn Nhất về trung tâm thành phố Hồ Chí Minh là ví dụ điển hình*); Thứ hai, những đường cao tốc mới xây dựng lại không thể lưu thông với tốc độ cao vì rất nguy hiểm khi dân cư trú ngay hai bên đường, không có khoảng lùi an toàn và cảnh quan cần thiết, làm giảm hiệu quả xây dựng và đầu tư; Thứ ba, buôn bán via hè, lòng đường, mặt tiền đường phố và phương tiện giao thông cá nhân có mối quan hệ mật thiết của "cung và cầu", xe cá nhân phát triển thì người sử dụng còn nhu cầu mua bán ngay ở via hè lòng đường. Tình trạng tắc đường kẹt xe lại có thêm một nguyên nhân. Các nhà quản lý và điều phối giao thông thấy được điều này nhưng khó mà giải quyết.

Ở các thành phố như Hà Nội, Hồ Chí Minh, nếu phương tiện giao thông công cộng phát triển, tiện lợi, phù hợp nhu cầu, tạo điều kiện cho người dân có thói quen sử dụng xe công cộng thay vì xe cá nhân, nhu cầu "mua bán nhanh tiện lợi" sẽ chuyển đến các đầu mối giao thông như bến tàu xe, trạm xe bus, ga xe điện ngầm, bãi giữ xe hơi... Có nghĩa là những trung tâm mua bán, dịch vụ... sẽ được thiết lập

1. Nguyễn Thế Cường, *Xây dựng trật tự đô thị thành phố Hồ Chí Minh từ cách tiếp cận văn hóa - xã hội*, đề tài nghiên cứu khoa học cấp Thành phố, năm 2005.



ở đó. Tuy nhiên, trong khi chờ đợi có được những yếu tố giao thông mang tính chất "giao thông đô thị", bằng cách nào hạn chế mặt tiêu cực của "kinh tế vỉa hè" tác động đến nếp sống văn minh đô thị? Nên chăng cần tổ chức những con đường, khu vực theo ô phố - đặc thù quy hoạch đô thị, để duy trì và phát triển kinh tế vỉa hè, vừa giải quyết nhu cầu sinh sống của người bán, người mua, vừa đảm bảo mỹ quan và trật tự đô thị, vừa bảo tồn được nét độc đáo, cần thiết giữ gìn và có thể khai thác nó như một di sản văn hóa phi vật thể. "Văn minh đô thị" sẽ có bộ mặt mới. Mặt khác cũng cần thấy rằng, những loại hình dịch vụ và buôn bán nhỏ hiện nay còn phù hợp với tập quán tiêu dùng, tiện ích, khả năng chi trả... của phần lớn người dân thành phố. Hơn nữa, nó còn được xem giải pháp mưu sinh hữu hiệu của rất nhiều hộ dân nghèo, hộ thu nhập thấp, vì vậy cần tổ chức và tăng cường mạng lưới cửa hàng nhỏ lẻ trong các khu vực tập trung dân cư, khu công nghiệp, khu chế xuất... nhằm đáp ứng nhu cầu của đa số dân cư.

Cũng vậy, trong một chừng mực nào đó, việc hạn chế và loại bỏ các loại xe thò sơ 3, 4 bánh - phương tiện mưu sinh của hàng ngàn hộ gia đình, cũng cần có tính toán thấu đáo khả năng chuyển đổi nghề nghiệp để không đẩy người dân vào chỗ khó khăn.

Một khu vực việc làm phi chính thức nữa ở thành phố Hồ Chí Minh có đông người lao động là tại các KCN, KCX. Tại đây người lao động hầu hết là thanh niên từ các vùng nông thôn, trình độ học vấn không cao nên tham gia làm việc với tính chất lao động giản đơn. Do đó thu nhập thấp, hấp bênh, dễ mất việc, cũng dễ thay đổi công việc, cuộc sống không ổn định... Nếu không có những điều luật buộc chủ đầu tư các KCN, KCX tổ chức đào tạo nghề cho công nhân thì tình trạng này sẽ còn diễn ra lâu dài, lực lượng lao động không chính thức sẽ không thu hẹp mà có nguy cơ ngày càng phát triển. Các nhà đầu tư chỉ quan tâm đến "nhân công giá rẻ" - tức là nhân công lao động giản đơn không có tay nghề nên cần có chính sách rõ ràng từ phía các nhà quản lý để trước hết đảm bảo quyền lợi của người lao động, sau là đảm bảo cho xã hội ổn định và phát triển bền vững.

Thành phố Hồ Chí Minh và nhiều thành phố, đô thị khác trong cả nước đang xây dựng nếp sống văn minh hiện đại. Không thể không bắt đầu từ yếu tố kinh tế: các ngành nghề của dân cư, loại hình kinh tế cần được phát triển cân đối, đảm bảo quyền lợi của nhân dân nhưng cũng đảm bảo sự phát triển bền vững của thành phố. Trong việc này vai trò quản lý và điều phối của Nhà nước là chủ đạo, không thể trông chờ người dân tự giải quyết mà chỉ có thể kêu gọi ý thức chấp hành luật pháp và ý thức cộng đồng. Là một đặc trưng của các đô thị Việt Nam, việc làm - kinh tế phi chính thức cần được nhìn nhận xem xét ở một góc độ lịch sử - văn hóa sâu rộng hơn, ngoài góc độ kinh tế, để có thể sẽ mang lại những giải pháp hữu hiệu tích cực cho vấn đề này.

**Tài liệu tham khảo**

1. Bạch Văn Bày (1993), Đề tài "*Khu vực Không Chính thức tại thành phố Hồ Chí Minh*", Viện Kinh tế TP.HCM (IER) tr. 37 - 42.
2. Cling J.-P., Nguyễn Hữu Chí, Razafindrakoto M., & Roubaud F. (2010), *Cuộc khủng hoảng kinh tế đã tác động đến Việt Nam ở mức độ nào? Phân tích trọng tâm về khu vực phi chính thức ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh*, Báo cáo tóm lược chính sách, TCTK /IRD-DIAL, Hà Nội.
3. Cling J.-P., Nguyễn Thị Thu Huyền, Nguyễn Hữu Chí, Phan Thị Ngọc Trâm, Razafindrakoto M. và Roubaud F., 2010. *Khu vực kinh tế phi chính thức ở hai thành phố lớn của Việt Nam: Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
4. Du Phước Tân (2002), *Nội san Viện Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh*, tháng 9/2002.
5. Đặng Quang Thành, Dương Ngọc Phương, *Phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong kinh doanh du lịch*. Nxb. Trẻ, 2000, trang 54.
6. Đình Quang (2005), *Đời sống văn hóa đô thị và khu công nghiệp Việt Nam*. Nxb. Văn hóa Thông tin.
7. Đồng Quốc Đạt, "Bảo hiểm xã hội khu vực phi chính thức ở Việt Nam - thực trạng và kiến nghị", Tạp chí *Kinh tế và dự báo*, số 159431 tháng 8-2008, H. 2008.
8. Hồ Đức Hùng (2007), Đề tài cấp Bộ, *Khu vực kinh tế phi chính thức tại thành phố Hồ Chí Minh - Thực trạng và giải pháp*, Viện Kinh tế phát triển, Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.
9. Huỳnh Lửa chủ biên (1997), "*Lịch sử khai phá vùng đất Nam Bộ*", Nxb. Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.
10. Lê Đăng Doanh, *Lao động trong khu vực kinh tế phi chính thức ở Việt Nam*. Kỹ yếu hội thảo quốc gia về việc làm phi chính thức, ILO - Phái đoàn Ủy ban Châu Âu tại Việt Nam - Bộ Lao động - TB - XH, H. tháng 3/2010.
11. Lê Bạch Dương, Đặng Nguyên Anh..., *Bảo trợ xã hội cho nhóm người thiệt thòi ở Việt Nam*. Nxb. Thế giới, H. 2005
12. Lê Văn Thành (1997), đề tài "*Thương mại và dịch vụ không chính thức tại thành phố Hồ Chí Minh: kinh tế vỉa hè*" Viện Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.
13. Nguyễn Bá Ngọc, Viện Khoa học lao động và xã hội, "*Việc làm phi chính thức ở Việt Nam*". Kỹ yếu hội thảo quốc gia về việc làm phi chính thức, ILO - Phái đoàn Ủy ban Châu Âu tại Việt Nam - Bộ Lao động - TB - XH, H. tháng 3/2010.
14. Nguyễn Minh Hòa và cộng sự (2010), Đề tài  *nghiên cứu đánh giá kết quả ba năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị*, trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

15. Niên giám thống kê thành phố Hồ Chí Minh 2011
16. Phạm Văn Dũng (chủ biên), *Khu vực kinh tế phi chính thức*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, H. 2004.
17. Phạm Thanh Thôi, "Hoạt động "kinh tế vỉa hè" và việc quy hoạch xây dựng văn minh đô thị", Tạp chí *Chuyên ngành Quy hoạch - Xây dựng*, Bộ Xây dựng, số 17 (5/2005), tr. 64-67.
18. Quyết định số 188/2004/QĐ-TTg ban hành ngày 01-11-2004
19. Tổng cục Thống kê (2007). *Kết quả khảo sát mức sống hộ gia đình năm 2006*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.